



CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM
179EF Cách Mạng Tháng Tám, P.5, Q.3, TP.HCM

Số: 78/2015/CT-V-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

Trụ sở chính: 179EF Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, TP.HCM.

Điện thoại: (84-8) 6264 6726

Fax: (84-8) 6264 6724

Người thực hiện công bố thông tin: Ông LƯU ĐỨC TÂN

Điện thoại (di động): 0903955315

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2015 ngày 17/04/2015 công ty Eximland

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu HCNS

Ngày 20 tháng 04 năm 2015

Người thực hiện công bố thông tin



LƯU ĐỨC TÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM
179EF Cách Mạng Tháng 8, Phường 5 , Quận 3 , TP.HCM
Mã số thuế: 0305323291



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG **QUÝ 1/2015**

Tháng 04 năm 2015

Công ty Cổ Phần Bất Động Sản E Xim

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán riêng quý 1 năm 2015	1-2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 1 năm 2015	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý 1 năm 2015	4
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2015	5-18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		816.730.567.418	858.584.965.544
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		93.617.297.074	94.022.633.593
1. Tiền	111	1	14.560.608.891	3.991.966.927
2. Các khoản tương đương tiền	112	2	79.056.688.183	90.030.666.666
II. Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.641.848.705	141.433.433.384
1. Phải thu khách hàng	131	3	10.029.773.000	97.933.564.307
2. Trả trước cho người bán	132		46.916.347.220	7.340.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		26.000.000.000	22.000.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	4	22.295.728.485	20.759.869.077
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		608.943.914.390	608.943.914.390
1. Hàng tồn kho	141	7	608.943.914.390	608.943.914.390
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.527.507.249	14.184.984.177
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	119.274.796	110.733.177
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.408.232.453	14.074.251.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		222.139.676.237	215.197.677.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		900.000.000	900.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		900.000.000	900.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.481.324.509	18.068.038.724
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.481.324.509	18.068.038.724
- Nguyên giá	222		22.516.706.913	23.310.255.695
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.035.382.404)	(5.242.216.971)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		72.000.000	72.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(72.000.000)	(72.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	8	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dài hạn dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		185.086.469.272	177.552.125.272
1. Đầu tư vào công ty con	251		186.082.584.000	178.548.240.000

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(996.114.728)	(996.114.728)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.671.882.456	18.677.513.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	30.596.976	36.227.661
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	18.641.285.480	18.641.285.480
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.038.870.243.655	1.073.782.642.681
Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		602.479.126.019	635.674.095.652
I. Nợ ngắn hạn	310		568.985.423.019	602.180.392.652
1. Phải trả người bán	311	16	558.454.459	550.350.055
2. Người mua trả tiền trước	312		13.500.000	6.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	44.384.593	437.193.418
4. Phải trả người lao động	314		227.668.050	-
5. Chi phí phải trả	315	18	93.943.036.492	106.557.581.947
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	16.856.932.450	35.775.058.550
10. Vay và nợ thuê tài chính	320	15	455.901.003.608	455.901.003.608
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1.440.443.367	2.952.705.074
II. Nợ dài hạn	330		33.493.703.000	33.493.703.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	19	631.647.000	631.647.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	32.862.056.000	32.862.056.000
11. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	335			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		436.391.117.636	438.108.547.029
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	436.391.117.636	438.108.547.029
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		417.840.000.000	417.840.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		417.840.000.000	417.840.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.252.395.500	11.252.395.500
9. Quỹ hỗ trợ xấp xỉ doanh nghiệp	419			
10. Các quỹ thuộc vốn sở hữu	420		2.279.761.500	2.379.761.500
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.018.960.636	6.636.390.029
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.636.390.029	954.118.018
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.617.429.393)	5.682.272.011
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	28		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.038.870.243.655	1.073.782.642.681

Người lập biểu

Phạm Đình Thị Nhài
Đinh Thị Nhài

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Tuyến
Nguyễn Thị Kim Tuyến

Lập ngày 17 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Ngô Văn Hiếu
Ngô Văn Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 1 Năm 2015

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2014
			Năm 2015	Năm 2014		
1	2	3	5	6		7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	574.578.300	422.610.427	574.578.300	422.610.427
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2				-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		574.578.300	422.610.427	574.578.300	422.610.427
4. Giá vốn hàng bán	11	3	-			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		574.578.300	422.610.427	574.578.300	422.610.427
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	1.251.098.581	560.766.156	1.251.098.581	560.766.156
7. Chi phí tài chính	22	5	-	159.000		159.000
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	8	47.010.557	61.535.221	47.010.557	61.535.221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8	3.396.095.717	2.224.185.249	3.396.095.717	2.224.185.249
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(1.617.429.393)	(1.302.502.887)	(1.617.429.393)	(1.302.502.887)
11. Thu nhập khác	31	6	-			
12. Chi phí khác	32	7				
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.617.429.393)	(1.302.502.887)	(1.617.429.393)	(1.302.502.887)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10	-			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	11				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.617.429.393)	(1.302.502.887)	(1.617.429.393)	(1.302.502.887)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

Dinh Thị Nhài

Dinh Thị Nhài

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Tuyến

Nguyễn Thị Kim Tuyến



Ngô Văn Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 Năm 2015

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		91.672.827.438	658.866.843
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(32.035.247.826)	(812.996.587)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.322.053.774)	(1.171.038.637)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(291.346.964)	(6.090.028.545)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.536.775.238	1.091.397.330
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.959.622.536)	(1.691.343.144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.601.331.576	(8.015.142.740)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(6.021.437.427)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			24.850.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.719.600.000)	(3.619.050.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.224.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.251.098.581	354.922.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.468.501.419)	16.788.434.729
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		(9.475.466.676)	-
3. Tiền vay nhận được	33		3.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(25.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62.700.000)	(9.975.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.538.166.676)	(9.975.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(405.336.519)	8.763.316.989
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		94.022.633.593	19.570.905.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		93.617.297.074	28.334.222.953

Người lập biểu

Phan

Đinh Thị Nhài

Kế toán trưởng

Kim

Nguyễn Thị Kim Tuyền

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẤT ĐỘNG SẢN
E XIM

QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Ngô Văn Hiếu

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015

B09a-DN

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

I. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 10 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày cấp</i>
4103008092 - Điều chỉnh lần 1	Ngày 14 tháng 2 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 2	Ngày 30 tháng 5 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 3	Ngày 25 tháng 6 năm 2009
0305323291 - Điều chỉnh lần 4	Ngày 2 tháng 2 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 5	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 6	Ngày 14 tháng 10 năm 2011

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản; dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn đầu tư, quảng cáo, quản lý bất động sản; lập dự án đầu tư; tư vấn đầu tư - đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); quản lý dự án; phá dỡ công trình; san lấp mặt bằng; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống điện.

Công ty có trụ sở chính tại 179EF Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty có ba (3) công ty con sau:

- ▶ **Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp - Đô thị Hóc Môn**
Công ty này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103011598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 2008. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty nắm 65,86% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.
- ▶ **Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim**
Công ty này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305349677 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 11 năm 2007. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty nắm 67,57% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.
- ▶ **Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim**
Công ty này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty nắm 71% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

III. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2- Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định bằng chi phí mua cộng với các chi phí khác liên quan trực tiếp theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 năm

7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

- Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con thể hiện các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ quyền biểu quyết chi phối trên 50% và kiểm soát doanh nghiệp đó.

Đầu tư vào công ty con phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận doanh thu khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận vào doanh thu của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015

B09a-DN

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

01- TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.560.608.891	3.991.966.927
TỔNG CỘNG	14.560.608.891	3.991.966.927

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015

B09a-DN

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

02- CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh.
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

- Ngắn hạn

		VNĐ		
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	79,056,688,183	79,056,688,183	90.030.666.666	90.030.666.666
TỔNG CỘNG	<u>79,056,688,183</u>	<u>79,056,688,183</u>	<u>90.030.666.666</u>	<u>90.030.666.666</u>
- Cho vay				
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty 584	22.000.000.000	(6.600.000.000)	22.000.000.000	(6.600.000.000)
Công ty Lập Phúc	4.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>26.000.000.000</u>	<u>(6.600.000.000)</u>	<u>22.000.000.000</u>	<u>(6.600.000.000)</u>

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công ty con

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>			VNĐ
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty CP DV BĐS EXIMLAND	1.020.000.000						
Công ty CP Địa Ốc Stra Exim	91.853.984.000			91.488.240.000			
Công ty CP ĐT KCN-ĐT Hóc Môn	61.500.000.000	(699.714.942)		61.500.000.000	(699.714.942)		
Công ty CP Đầu Tư TIE EXIM	31.708.600.000	(296.399.786)		25.560.000.000	(296.399.786)		
TỔNG CỘNG	<u>186.082.584.000</u>	<u>(996.114.728)</u>		<u>178.548.240.000</u>	<u>(996.114.728)</u>		

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015
 Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

B09a-DN

03- CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>
Phải thu khách hàng	10.029.773.000	97.933.564.307
Trả trước cho người bán	46.916.347.220	7.340.000.000
TỔNG CỘNG	<u>56.946.120.220</u>	<u>105.273.564.307</u>

04- PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ký quỹ	10.000.000		10.000.000	
Tạm ứng	13.573.761.889		10.568.602.481	
Phải thu khác	8.711.966.596		10.181.266.596	
Tổng cộng:	<u>22.295.728.485</u>		<u>20.759.869.077</u>	
Dài hạn				
Ký quỹ	900.000.000		900.000.000	
Tổng cộng	<u>900.000.000</u>		<u>900.000.000</u>	

07- HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa bất động sản	491.117.223.985		491.117.223.985	
Dự án KDC Exim Garden	117.826.690.405		117.826.690.405	
TỔNG CỘNG	<u>608.943.914.390</u>		<u>608.943.914.390</u>	

09-TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	13.380.541.459	509.090.909	9.420.623.327	23.310.255.695
Tăng trong kỳ		-		
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-793.548.782	-793.548.782
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	<u>13.380.541.459</u>	<u>509.090.909</u>	<u>8.627.074.545</u>	<u>22.516.706.913</u>
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu kỳ	2.508.851.519	230.303.028	2.503.062.424	5.242.216.971
Khấu hao trong kỳ	209.070.960	18.181.818	359.461.437	586.714.215
Thanh lý, nhượng bán			-793.548.782	-793.548.782
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	<u>2.717.922.479</u>	<u>248.484.846</u>	<u>2.068.975.079</u>	<u>5.035.382.404</u>
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	<u>10.871.689.940</u>	<u>278.787.881</u>	<u>6.917.560.903</u>	<u>18.068.038.724</u>
Số dư cuối kỳ	<u>10.662.618.980</u>	<u>260.606.063</u>	<u>6.558.099.466</u>	<u>17.481.324.509</u>

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015

B09a-DN

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

10- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ		72.000.000	72.000.000
Giảm khác			
Số dư cuối kỳ		72.000.000	72.000.000
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu kỳ		72.000.000	72.000.000
Giảm khác			
Khấu trừ trong kỳ			
Số dư cuối kỳ		72.000.000	72.000.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ			
Số dư cuối kỳ	-	-	-

13- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VNĐ

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
a) Ngắn hạn	119.274.796	110.733.177
b) Dài hạn	30.596.976	36.227.661
c) Chi phí dài hạn khác	18.641.285.480	18.641.285.480
TỔNG CỘNG	18.791.157.252	18.788.246.318

15- VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VNĐ

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm Tăng Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	455.901.003.608	455.901.003.608		455.901.003.608	455.901.003.608	
Vay dài hạn	32.862.056.000	32.862.056.000		32.862.056.000	32.862.056.000	
TỔNG CỘNG	<u>488.763.059.608</u>	<u>488.763.059.608</u>		<u>488.763.059.608</u>	<u>488.763.059.608</u>	

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015

B09a-DN

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

16- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	558.454.459	558.454.459	550.350.055	550.350.055
Người mua trả tiền trước	13.500.000	13.500.000	6.500.000	6.500.000
TỔNG CỘNG	<u>571.954.459</u>	<u>571.954.459</u>	<u>556.850.055</u>	<u>556.850.055</u>

17- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>	Số phải nộp trong quý	Số thực nộp trong quý	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải nộp				
Thuế TNDN			291.346.964	291.346.964
Thuế TNCN	44.384.593	236.493.159	337.955.020	145.846.454
TỔNG CỘNG	<u>44.384.593</u>	<u>236.493.159</u>	<u>629.301.984</u>	<u>437.193.418</u>

18- CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Các khoản trích trước chi phí	7.678.380.374	20.292.925.829
Lãi vay phải trả cho ngân hàng	86.264.656.118	86.264.656.118
TỔNG CỘNG	<u>93.943.036.492</u>	<u>106.557.581.947</u>

19- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	18.724.250	19.027.550
Cổ tức phải trả	3.843.750.000	3.909.750.000
Phải trả người lao động	227.668.050	-
Phải trả khác	12.994.458.200	31.846.281.000
Tổng cộng	<u>17.084.600.500</u>	<u>35.775.058.550</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	631.647.000	631.647.000
Tổng cộng	<u>631.647.000</u>	<u>631.647.000</u>

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015
 Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

B09a-DN

25- VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ					
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	417.840.000.000	7.283.323.500	3.969.072.000	2.379.761.500	6.636.390.029	438.108.547.029
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	(1.617.429.393)	(1.617.429.393)
Đ/c trích lập từ Quỹ Dự phòng tài chính sang Quỹ ĐTP theo TT200/2014/TT-BTC)		3.969.072.000	(3.969.072.000)	-		
Trích lập quỹ khác trong năm						
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	-	(100.000.000)		(100.000.000)
Số dư cuối kỳ	417.840.000.000	11.252.395.500	0	2.279.761.500	5.018.960.636	436.391.117.636

- Vốn góp của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
Ông Nguyễn Hữu Thành	4.740.000	47.400.000.000	11,34%	4.740.000	47.400.000.000	11,34%
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	4.500.000	45.000.000.000	10,77%	4.500.000	45.000.000.000	10,77%
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	2.700.000	27.000.000.000	6,46%	2.700.000	27.000.000.000	6,46%
Cổ đông khác	29.844.000	298.440.000.000	71,42%	29.844.000	298.440.000.000	71,42%
TỔNG CỘNG	41.784.000	417.840.000.000	100,00%	41.784.000	417.840.000.000	100,00%

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015

B09a-DN

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

- Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	45.344.000	45.344.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41.784.000	41.784.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.784.000	41.784.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 01)

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	574.578.300	422.610.427
TỔNG CỘNG	574.578.300	422.610.427

4- DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Mã số 21)

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Lãi chuyển nhượng đầu tư		204.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia		153.000.000
Lãi tiền gửi	1.251.098.581	201.922.156
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.844.000
TỔNG CỘNG	1.251.098.581	560.766.156

5- CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Chi phí tài chính khác		159.000
TỔNG CỘNG		159.000

8- CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.396.095.717	2.224.185.349
b) Chi phí bán hàng	47.010.557	61.535.221
TỔNG CỘNG	3.443.106.274	2.285.720.470

9- CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Chi phí nhân công	1.507.452.054	1.180.493.288

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2015

B09a-DN

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.629.149	601.707.968
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	464.614.215	342.302.384
Chi phí khác	341.410.856	161.216.830
TỔNG CỘNG	3.443.106.274	2.285.720.470

10- THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MÃ SỐ 51)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

VNĐ

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Lợi nhuận trước thuế	-1.617.429.393	-1.302.502.887
Cộng:		
Chi phí không được trừ theo quy định	425.001	425.001
Chi phí khấu hao vượt mức quy định	134.234.166	12.134.166
Lợi nhuận đã nộp thuế TNDN	-	153.000.000
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	- 1.482.770.226	- 1.442.943.720

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ :

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
3. Thông tin về các bên liên quan
4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
5. Thông tin so sánh
6. Thông tin về hoạt động liên tục
7. Những thông tin khác:

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày, 17 tháng 04 năm 2015
Tổng Giám Đốc

Phan
Trình Thị Nhài

Nguyễn Thị Kim Tuyến

Nguyễn Thị Kim Tuyến



Ngô Văn Hiếu